TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 237/2018/QĐST-HNGĐ	*Rạch Giá, ngày 23 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào vụ án Dân sự thụ lý số: 171/2018/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân Th, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Số nhà 26/14 đường TQC, khu phố 6, phường AB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang

* Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số nhà 26/14 đường TQC, khu phố 6, phường AB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 9; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Xuân Th và chị Lê Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân Th và chị Lê Thị N xác định vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh Phạm Xuân Th và chị Lê Thị N xác định có 02 người con chung tên Phạm Thị Phương A, sinh ngày 25/02/1999 (hiện nay đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự) và Phạm Lê Thiên Ph, sinh ngày 09/11/2012. Anh Th và chị N thống nhất thoả thuận giao người con tên Phạm Lê Thiên Phúc cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở anh Th thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Xuân Th và chị Lê Thị N xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phạm Xuân Th và chị Lê Thị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do thuận tình ly hôn nên án phí phải nộp là 150.000đ, Thi và chị N mỗi người phải nộp là 75.000đ. Anh Th tự nguyện nộp thay cho chị N 75.000 đồng nên anh Th phải nộp án phí là 150.000 đồng. Anh Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004537 ngày 04/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG, Kiên Giang nên anh Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

THẠCH SÔ PHÉP

- Căn cứ vào Điều 8, khoản 11 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và khoản 2 Điều 16 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;